

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SAM PHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SAM PHÚ

Khu Công nghiệp Long Thành, đường Phước Hữu, Xã Tam An
Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Chương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Kiều	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Song Thái Dương	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Nguyễn Thanh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong các báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lê Song Thái Dương

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Số: 2253/2011/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 3 năm 2011 từ trang 5 đến trang 18 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác và đã được trình bày ý kiến ngoại trừ khoản mục góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH Cáp Thăng Long trên báo cáo kiểm toán phát hành ngày 27 tháng 4 năm 2010.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến kiểm toán về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán đối với khoản hàng gửi đi bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Vì vậy, chúng tôi không thể xác nhận về sự hiện hữu và giá trị của hàng gửi đi bán cũng như sự ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty có góp vốn vào Công ty TNHH Cáp Thăng Long theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận góp vốn, phân chia lợi nhuận giữa hai bên từ khi hợp đồng có hiệu lực.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những hạn chế về phạm vi kiểm toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN

TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFC)

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Phạm Tiến Dũng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.843.305.496	15.265.352.930
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	47.213.547	2.421.096.595
1. Tiền	111		47.213.547	801.096.595
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.620.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	768.000.000	1.300.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.600.000.000	4.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.832.000.000)	(3.200.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.690.570.181	6.295.816.306
1. Phải thu khách hàng	131		9.321.326.598	5.522.887.929
2. Trả trước cho người bán	132		316.918.800	379.422.600
5. Các khoản phải thu khác	135		52.324.783	393.505.777
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	7.156.327.852	5.044.003.499
1. Hàng tồn kho	141		7.390.280.931	5.086.229.311
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(233.953.079)	(42.225.812)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		181.193.916	204.436.530
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		131.145.566	131.145.566
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	50.048.350	73.290.964
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.438.710.457	28.278.402.605
II. Tài sản cố định	220		21.462.479.985	23.321.783.421
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	13.712.993.410	15.390.984.118
- Nguyên giá	222		19.327.391.731	19.327.391.731
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.614.398.321)	(3.936.407.613)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	7.749.486.575	7.930.799.303
- Nguyên giá	228		8.521.698.166	8.521.698.166
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(772.211.591)	(590.898.863)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	4.731.151.290	4.731.151.290
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.467.062.290	4.467.062.290
3. Đầu tư dài hạn khác	258		264.089.000	264.089.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		245.079.182	225.467.894
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	245.079.182	225.467.894
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		44.282.015.953	43.543.755.535

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.033.709.051	4.949.890.407
I. Nợ ngắn hạn	310		8.033.709.051	4.949.890.407
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	5.014.095.750	2.657.145.740
2. Phải trả người bán	312		2.454.646.673	1.547.415.535
3. Người mua trả tiền trước	313		27.060.875	66.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	127.872.974	81.175.467
5. Phải trả người lao động	315		163.932.965	175.555.881
6. Chi phí phải trả	316		65.681.813	168.310.037
9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		180.418.001	253.787.747
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		36.248.306.902	38.593.865.128
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.11	36.248.306.902	38.593.865.128
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		36.317.234	36.317.234
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		36.317.234	36.317.234
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(13.824.327.566)	(11.478.769.340)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		44.282.015.953	43.543.755.535

Lê Song Thái Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thị Nga
Kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		19.492.306.873	9.306.158.635
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		430.864.631	811.356
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		19.061.442.242	9.305.347.279
4. Giá vốn hàng bán	11		17.124.150.035	7.676.596.340
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.937.292.207	1.628.750.939
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.1	138.601.220	267.821.971
7. Chi phí tài chính	22	6.2	828.714.189	(1.021.566.246)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>593.308.819</i>	<i>253.573.163</i>
8. Chi phí bán hàng	24		1.499.235.128	1.418.384.245
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.050.924.253	2.323.251.703
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.302.980.143)	(823.496.792)
11. Thu nhập khác	31		12.246.789	1.446.508.915
12. Chi phí khác	32		54.824.872	1.832.002.490
13. Lợi nhuận khác	40		(42.578.083)	(385.493.575)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.345.558.226)	(1.208.990.367)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.4	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.345.558.226)	(1.208.990.367)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.5	(469)	(242)

Lê Song Thái Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thị Nga
Kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	16.717.040.364	7.037.938.924
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(18.901.817.081)	(8.338.101.768)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.761.790.303)	(1.514.544.941)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(593.308.819)	(110.860.306)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	566.267.963	83.637.458
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.195.826.402)	(663.977.811)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.169.434.278)	(3.505.908.444)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(108.119.912)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.500.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	300.000.000	1.245.800.552
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	138.601.220	267.821.971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	438.601.220	2.905.502.611
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.856.388.100	5.303.926.870
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.499.438.090)	(5.846.781.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.356.950.010	(542.854.260)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.373.883.048)	(1.143.260.093)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.421.096.595	3.564.356.688
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	47.213.547	2.421.096.595

Lê Song Thái Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thị Nga
Kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600825946 do Sở Kế hoạch và Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu vào ngày 17 tháng 7 năm 2006 và các lần sửa đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng, được chia thành 5.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Long Thành, đường Phước Hữu, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm nhựa, nguyên vật liệu ngành nhựa trong công nghiệp và dân dụng;
- Mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông;
- Vận tải đường bộ;
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng;

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán, xuất khẩu các sản phẩm nhựa, nguyên vật liệu ngành nhựa trong công nghiệp và dân dụng. Mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông. Vận tải hàng hoá đường bộ. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ngày 31/12/2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT - BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ tài chính trong Thông tư này.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 47 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Tiền lãi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

Thuế (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	12.851.438	6.588.854
Tiền gửi ngân hàng	34.362.109	794.507.741
Các khoản tương đương tiền	-	1.620.000.000
Cộng	47.213.547	2.421.096.595

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cấp Sài Gòn (CSG)	3.600.000.000	4.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.832.000.000)	(3.200.000.000)
Cộng	768.000.000	1.300.000.000

	31/12/2010	01/01/2010
Số cổ phiếu		
Công ty cổ phần cấp Sài Gòn (CSG)	80.000	100.000

Khoản dự phòng cho khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp Sài Gòn (CSG) dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5.3 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.982.127.095	1.433.339.158
Công cụ, dụng cụ	11.461.716	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	51.297.871	134.121.135
Thành phẩm	4.372.053.901	3.128.352.165
Hàng hóa	105.859.265	92.773.320
Hàng gửi đi bán	867.481.083	297.643.533
Cộng	7.390.280.931	5.086.229.311
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(233.953.079)	(42.225.812)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	7.156.327.852	5.044.003.499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

5.4 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	39.003.600	15.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	11.044.750	58.290.964
Cộng	50.048.350	73.290.964

5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010 và ngày 31/12/2010	9.584.657.350	7.403.854.175	2.294.437.406	44.442.800	19.327.391.731
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	1.437.613.305	1.728.759.438	742.435.597	27.599.273	3.936.407.613
Khấu hao trong năm	647.589.072	748.150.884	273.362.196	8.888.556	1.677.990.708
Tại ngày 31/12/2010	2.085.202.377	2.476.910.322	1.015.797.793	36.487.829	5.614.398.321
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	8.147.044.045	5.675.094.737	1.552.001.809	16.843.527	15.390.984.118
Tại ngày 31/12/2010	7.499.454.973	4.926.943.853	1.278.639.613	7.954.971	13.712.993.410

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, giá trị còn lại của tài sản thể chấp là 7.350.899.447 đồng.

5.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2010 và ngày 31/12/2010	8.521.698.166	8.521.698.166
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2010	590.898.863	590.898.863
Khấu hao trong năm	181.312.728	181.312.728
Tại ngày 31/12/2010	772.211.591	772.211.591
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2010	7.930.799.303	7.930.799.303
Tại ngày 31/12/2010	7.749.486.575	7.749.486.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

5.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Góp vốn liên doanh	4.467.062.290	4.467.062.290
Đầu tư dài hạn khác	264.089.000	264.089.000
	4.731.151.290	4.731.151.290

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, khoản góp vốn liên doanh với công ty TNHH Cáp Thăng Long thành lập phân xưởng ống nhựa tại khu công nghiệp Phố Nối, tỉnh Hưng Yên chưa được xác nhận góp vốn và phân chia lợi nhuận giữa các bên.

Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào công ty TNHH Cáp Thăng Long thành lập phân xưởng cáp quang tại khu công nghiệp Phố Nối, tỉnh Hưng Yên.

5.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Máy móc thiết bị quản lý	49.483.787	-
Chi phí chạy thử dây chuyền sản xuất	23.117.715	154.805.055
Chi phí bảo hiểm xe	37.457.940	26.181.696
Công cụ, dụng cụ khác	135.019.740	44.481.143
Cộng	245.079.182	225.467.894

5.9 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Long Thành	4.614.095.750	1.957.145.740
Công ty Cổ phần Sacom	400.000.000	700.000.000
Cộng	5.014.095.750	2.657.145.740

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bổ sung vốn lưu động từ:

- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long Thành dưới hình thức hợp đồng tín dụng hạn mức. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 5.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn là sáu tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay này được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp là một phần nhà xưởng của Công ty.
- Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Sacom chịu lãi suất cố định hàng năm 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	114.529.446	77.853.806
Thuế thu nhập cá nhân	13.343.528	3.321.661
Cộng	127.872.974	81.175.467

5.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2009	50.000.000.000	36.317.234	36.317.234	(10.269.778.973)	39.802.855.495
Lỗ trong năm	-	-	-	(1.208.990.367)	(1.208.990.367)
Tại ngày 31/12/2009	50.000.000.000	36.317.234	36.317.234	(11.478.769.340)	38.593.865.128
Lỗ trong năm	-	-	-	(2.345.558.226)	(2.345.558.226)
Tại ngày 31/12/2010	50.000.000.000	36.317.234	36.317.234	(13.824.327.566)	36.248.306.902

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty CP Cáp và Vật liệu Viễn thông	12.548.190.000	12.548.190.000
Công ty CP Dịch vụ và Bưu điện Viễn thông Sài Gòn	2.091.360.000	2.091.360.000
Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội	2.091.360.000	2.091.360.000
Công ty Tài chính Bưu điện	1.316.360.000	1.336.360.000
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	4.182.730.000	4.182.730.000
Các cổ đông khác	27.770.000.000	27.750.000.000
	50.000.000.000	50.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ:	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phần phổ thông	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành:	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phần phổ thông	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phần ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	90.601.220	227.821.971
Cổ tức được chia	48.000.000	40.000.000
Cộng	138.601.220	267.821.971

6.2 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	593.308.819	253.834.306
Hoàn nhập dự phòng giảm giá cổ phiếu	(368.000.000)	(4.529.600.000)
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư CP Cấp Sài Gòn	600.000.000	3.254.199.448
Chi phí tài chính khác	3.405.370	-
Cộng	828.714.189	(1.021.566.246)

6.3 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2010	2009
	VND	VND
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(2.345.558.226)	(1.208.990.367)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Tổng lỗ tính thuế	(2.345.558.226)	(1.208.990.367)
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

6.4 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.735.025.100	7.443.447.565
Chi phí nhân công	1.905.942.529	1.539.688.470
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.931.079.947	2.543.193.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.774.173.881	1.200.686.528
Chi phí khác bằng tiền	919.617.881	1.093.104.343
Cộng	25.265.839.338	13.820.120.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán AS (ASCO). Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Lê Song Thái Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thị Nga
Kế toán